TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 411/2023/DS-PT
Ngày: 29-9-2023
V/v "Tranh chấp quyền về lối đi qua và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp quyền về lối đi qua và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2020/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà G, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1972.

2.2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2. Bà Quách Kim H, sinh năm 1966.

3.3. Chị Trần Thị Mai P1, sinh năm 1996.

3.4. Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Ông Trần Minh T, ông Nguyễn Quang P, chị Trần Thị Mai P1, chị Trần Thị Diễm M có yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà là chủ sử dụng thửa đất số 1779, tờ bản đồ số 01, diện tích 250m^2, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thửa đất này có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của bà Quách Kim H. Phần đất này bà dùng làm nhà mồ và có 01 cái Kim T1. Bà đã sử dụng ổn định trên 22 năm. Phần đất của bà giáp ranh với thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12 do bà Nguyễn Thị Hồng C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Quách Kim H khoảng năm 2017. Hiện bà C, ông T, chị P1, chị M đang sinh sống trên phần đất này. Năm 1997, khi nhận chuyển nhượng phần đất của bà H thì giữa hai bên có thỏa thuận chừa cho bà lối đi vào đất với chiều ngang 03m, chiều dài không ghi nhưng được hiểu là đi vào tới đất của bà. Bà đã đổ bê tông trên lối đi chiều ngang khoảng 1,5m, chiều dài khoảng 40m. Bà đã sử dụng lối đi này từ năm 1997 đến năm 2017. Năm 2017, bà H tiếp tục chuyển nhượng phần đất của bà H cho bà C và ông T. Phần đất bà H chuyển nhượng bao gồm cả lối đi vào thửa 1779 của bà nhưng bà không hay biết. Khoảng giữa năm 2017, bà xuống khu đất nhà mồ thì phát hiện bà C, ông T đã đập phá bỏ cổng nhà mồ, hàng rào, lối đi vào nhà mồ của bà để xây nhà trên lối đi mà bà đã đổ bê tông để xây vách tường sát căn nhà của bà C mà không hỏi ý kiến của vợ chồng bà. Tuy nhiên, bà C, ông T có mở cho bà lối đi sát mé mương gần với căn nhà của bà C. Bà C có hứa cho bà đi bình thường nên bà không có tranh chấp.

Bà đi lối đi này được khoảng 02 năm thì bà C xây thêm 01 căn nhà kế bên chắn luôn lối đi mới mà trước đây bà C cho bà đi mà không hề cho bà biết. Đến ngày 14/5/2019, bà xuống đất nhà mồ thì mới hay biết bà C kéo rào chắn lối đi, bà có đến gặp bà C để thương lượng nhưng bà C không nói chuyện với bà. Bà cho rằng từ phần đất của bà muốn đi ra đường lộ công cộng ngoài thửa 288, tờ bản đồ số 12 của bà C thì không còn lối đi nào khác.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, ông T mở cho bà lối đi tại vị trí hướng phía đông ngoài hai căn nhà của bà C có chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 40m thuộc thửa 288, tờ bản đồ số 12 do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, bà yêu cầu bà C, ông T phải bồi thường thiệt hại đối với cổng nhà mồ, 02 cánh cửa sắt, hàng rào xung quanh khu nhà mồ và phần con đường đã đổ bê tông mà bà C, ông T đã tháo dỡ, đập bỏ của bà. Tổng giá trị yêu cầu bồi thường là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà không yêu cầu bồi thường giá trị bằng tiền đối với phần cổng nhà mồ, 02 cánh cửa sắt mà yêu cầu bà C, ông T khôi phục tình trạng ban đầu cho bà. Bà không yêu cầu bồi thường phần hàng rào mà chỉ yêu cầu bồi hoàn đường bê tông trước đây bà đã đổ với số tiền là 3.240.000 đồng. Trường hợp bà C, ông T đồng ý mở lối đi tại vị trí bà yêu cầu thì bà đồng ý bồi hoàn thiệt hại trên phần đất bà C, ông T mở lối đi cho bà theo giá Hội đồng định giá.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Trước đây, vào năm 2017 bà có nhận chuyển nhượng của bà Quách Kim H phần đất có diện tích 652m^2 thuộc thửa 288, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà nhận chuyển nhượng của bà H thì có một lối đi để đi vào khu mộ của bà D. Bà cũng có hỏi bà H về lối đi này tính sao thì được bà H cho biết bà H có kêu bà D nhận chuyển nhượng phần đất này, trong đó có lối đi mà bà D đang đi vào khu mộ. Tuy nhiên, bà D chần chừ không nhận chuyển nhượng nên bà H chuyển nhượng cho bà. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất này của bà H thì bà cũng tiếp tục cho bà D đi lối đi này để đi vào khu nhà mồ. Trên phần đất bà nhận chuyển nhượng của bà H có một ngôi mộ là người thân có liên quan trong gia đình của bà D. Bà cần sử dụng phần đất có ngôi mộ nên bà có xin gia đình bà D cho bà lấy cốt phần mộ này và đem vào khu đất nhà mồ của gia đình bà D nhưng phía gia đình bà D không đồng ý và kêu lấy cốt đem đi đâu thì đem. Bà có đến UBND xã A để trình báo và lấy cốt phần mộ chuyển lên phần đất còn lại của thửa 288, tờ bản đồ số 12. Trong lúc bà đang lấy cốt làm mộ thì bà D ngăn cản, dùng lời lẽ xúc phạm bà nên hai bên xảy ra mâu thuẫn nên bà mới không cho bà D đi qua phần đất của bà nữa. Bà xác định khi bà nhận chuyển nhượng của bà H và cất nhà trên đất bà không có đập phá tài sản gì của bà D. Cổng nhà mồ do tự mục và hư, phần hàng rào kẽm gai thì ngã xuống mương không thể kéo lên được và khi tiến hành bơm cát lấp mương để làm nhà thì bà đã

bơm lấp luôn và bà D cũng không có ý kiến gì. Phần đường bê tông thì năm 2017 bà đã xây cất nhà trên phần đất có đường bê tông của bà D nhưng bà D không có tranh chấp gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại và mở lối đi trên phần đất thuộc thửa 288, tờ bản đồ số 12 thì bà không đồng ý vì bà và ông T không có đập phá tài sản của bà D. Phần đất bà D yêu cầu mở lối đi hiện nay trên đất bà đã xây nhà kiên cố, trên phần đất bà D yêu cầu mở lối đi thì từ trước đến nay đây không phải là lối đi. Bà chỉ đồng ý mở lối đi cho bà D tại vị trí bà và ông T đồng ý cho đo đạc là tại thửa 288-1, tờ bản đồ số 12 vì đây là phần đất còn trống nằm giữa 02 căn nhà mà bà đã xây cất. Ngoài lối đi này ra thì bà không còn chỗ đất trống nào khác để mở lối đi cho bà D. Tuy nhiên, bà đồng ý mở lối đi này cho bà D nhưng với điều kiện là bà D phải rào một phần đất của bà D giáp với các hộ xung quanh có nuôi gà qua đất của bà D và vào đất của bà. Bà D đồng ý rào thì bà sẽ mở lối đi này cho bà D đi vĩnh viễn và không yêu cầu bồi hoàn gì đối với phần thiệt hại đi trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của bà C. Bà C quyết định như thế nào thì ông sẽ đồng ý. Ông bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai P1, bà Trần Thị Diễm M trình bày:

Phần lối đi hiện nay bà D đang tranh chấp với gia đình được cho đi hay không là quyền quyết định của cha mẹ. Do đó, không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án xét xử và giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Kim H trình bày:

Trước đây bà có bán đất cho người trong gia đình của bà D chứ không phải bán đất cho bà D. Tuy nhiên, việc bà D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là việc thỏa thuận trong gia đình bà D chứ bà không có ý kiến gì. Năm 1992, khi bà chuyển nhượng cho gia đình của bà D để làm nhà mồ bà có hứa cho đường đi để đi vào mộ. Còn nếu sau này bà chuyển nhượng cho người khác thì gia đình bà D phải thương lượng với chủ đất mới. Sau này, bà chuyển nhượng cho bà Hồng C. Trước khi chuyển nhượng bà cũng có nói với bà D nói với gia đình có mua phần đất này không. Nhưng sau đó bên gia đình bà D cũng không có trả lời là mua phần đất này nên bà mới bán cho bà C. Bà C nhận chuyển nhượng và cũng cho bên bà D đi bình thường. Nhưng giữa bà D và bà C có xảy ra mâu thuẫn về việc lấy cốt phần mộ của người thân có liên quan trong gia đình bà D vào khu mộ thì bên bà D không đồng ý nên bà C không cho bà D đi qua phần đất của bà C nữa. Bà xác định khi chuyển nhượng cho bà C giữa bà và bà C không có thỏa thuận chừa lối đi cho

bà D đi. Hiện nay bà đã chuyển nhượng cho bà C nên có cho đi hay không là quyền quyết định của bà C chứ bà không có ý kến gì.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M1 trình bày:

Trước đây bà có trông coi phần nhà mồ của gia đình bà D. Bà có trồng 02 cây dừa trên phần đất của bà D. Tuy nhiên, khi dọn dẹp thì bà có chặt bỏ 01 cây chứ không phải phá hoại tài sản gì của bà D. Bà C, ông T cũng không có đập phá tài sản gì trên phần đất của bà D. Cổng nhà mồ, cửa sắt là bị mục, hàng rào kẽm gai do bị ngã xuống mương của bà C. Bà cũng có thông báo cho bà D hay nhưng bà D cũng không có ý kiến gì nên khi làm nhà bà C đã bơm cát lấp mương nên đã lấp luôn phần hàng rào.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang P trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà D. Yêu cầu bên bà C, ông T mở lối đi cho gia đình ông để sử dụng vào chăm sóc khu nhà mồ của gia đình và yêu cầu bên bà C, ông T bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm theo yêu cầu của bà D. Lối đi mà bên bà C đồng ý mở thì ông không đồng ý vì lối đi này đi trong nhà của bà C nên không sử dụng được.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 đã tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T mở cho bà Trần Thị D lối đi có diện tích 5,8m^2 trên phần đất thuộc thửa 288-1, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C do bà Nguyễn Thị Hồng C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận bên bà C, ông T không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì trên phần đất mở lối đi.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T đối với phần diện tích làm lối đi mà bên bà Trần Thị D được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 3m tính từ mặt đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà C, ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu với phần tài sản bị xâm phạm gồm cổng nhà mồ, 02 cánh cửa sắt và bồi thường đường bê tông trên đất với số tiền 3.240.000 đồng.

Ghi nhận bà D không yêu cầu bồi thường thiệt hại về hàng rào và cây dừa bị đốn chặt.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2022, nguyên đơn bà Trần Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị D tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T khôi phục lại tình trạng ban đầu và bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị xâm phạm; đồng thời, xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về vị trí yêu cầu mở lối đi, nguyên đơn yêu cầu mở lối đi tại vị trí bị đơn đồng ý cho nguyên đơn đi tuy nhiên yêu cầu mở rộng chiều ngang lối đi.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Trần Thị D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C, bà H.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị D tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với phần tài sản bị xâm phạm gồm cổng nhà mồ, 02 cánh cửa sắt và bồi thường đường bê tông trên đất với số tiền 3.240.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc mở lối đi, nguyên đơn yêu cầu mở lối đi tại vị trí ký hiệu 288-1(diện tích 11,3m^2) thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12 theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 21/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ngày 13/9/2023, bà C trình bày bà đồng ý cho bà D đi qua phần đất bà D yêu cầu mở với điều kiện phải rào lại phần đất giữa bà D với ông Nguyễn Hoài N và yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất giáp ranh giữa bà C với bà D. Người đại diện theo ủy quyền của bà D trình bày bà D đồng ý với điều kiện của bà C.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc đồng ý cho bà D đi qua lối đi bà D yêu cầu; ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc đồng ý rào lại phần đất giáp ranh giữa bà D với ông Nguyễn Hoài N và đồng ý giữ nguyên hiện trạng đất giáp ranh giữa bà C với bà D.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị D tự nguyện chịu và đã thanh toán xong.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T phải chịu án phí sơ thẩm.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T khôi phục lại tình trạng ban đầu với phần tài sản bị xâm phạm gồm cổng nhà mồ, 02 cánh cửa sắt và bồi thường đường bê tông trên đất với số tiền 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T mở lối đi.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T mở lối đi cho bà Trần Thị D trên phần đất có ký hiệu 288-1 (diện tích 11,3m^2) thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T không yêu cầu đền bù giá trị đất đối với phần đất mở lối đi.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với phần đất là lối đi có ký hiệu 288-1 (diện tích 11,3m^2) thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Trần Thị D; giới hạn chiều cao lối đi là 03m tính từ mặt đất.

Bà Trần Thị D được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất đối với phần đất làm lối đi và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Bà Trần Thị D được quyền đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với phần đất là lối đi nêu trên.

(Có họa đồ kèm theo)

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng là 2.793.000 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) bà Trần Thị D tự nguyện chịu và đã thanh toán xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Trần Minh T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị D không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng